

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 698 /2014/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 27 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan trực thuộc trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 55/TTr-STP ngày 25/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan trực thuộc trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2158/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP;
- Cục KTVBQPPL-BTP;
- Cục KSTIHC-BTP;
- TT Thành ủy; TT HĐNDTP;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT TP;
- CPVP;
- Các CVUBNDTP;
- Phòng HCTC, TTTTH;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Dương Văn Điện

QUY CHẾ

**Phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan trực thuộc
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 698/2014/QĐ-UBND ngày 27/3/2014
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc phối hợp, trách nhiệm của Sở Tư pháp và các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trong việc công bố, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan trực thuộc trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Quy chế này không điều chỉnh việc công bố, công khai thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan và giữa các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. "*Công bố thủ tục hành chính*" là việc thu thập, xử lý, cung cấp thông tin về thủ tục hành chính được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật bằng quyết định hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. "*Công khai thủ tục hành chính*" là việc áp dụng các hình thức phù hợp nhằm chuyển tải thông tin về thủ tục hành chính đã được công bố đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính

1. Tất cả các thủ tục hành chính sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ phải được Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (gọi tắt là Nghị định số 63/2010/NĐ-CP); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (gọi tắt là Nghị định số 48/2010/NĐ-CP); Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (gọi tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BTP) và Quy chế này.

2. Việc công bố, công khai thủ tục hành chính phải kịp thời, đầy đủ, chính xác, theo đúng nội dung quy định về thủ tục hành chính trong các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Thủ tục hành chính sau khi được công bố phải được cơ quan giải quyết thủ tục hành chính công khai thường xuyên, thuận tiện cho việc tiếp cận, sử dụng.

Chương II

CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 4. Thẩm quyền công bố thủ tục hành chính

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố, gồm:

1. Thủ tục hành chính do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp giải quyết.
2. Thủ tục hành chính do các Sở, ban, ngành thành phố giải quyết.
3. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 5. Thống kê, cập nhật thủ tục hành chính

1. Sở Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành thống kê, cập nhật các thủ tục hành chính; kiểm soát chất lượng kết quả thống kê, cập nhật thủ tục hành chính từ các đơn vị.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố thống kê thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành thành phố phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thống kê, cập nhật, lập hồ sơ trình công bố.

3. Các Sở, ban, ngành thành phố có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm thủ tục hành chính khi được công bố, công khai phải đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

4. Trường Phòng pháp chế, Trường đơn vị được giao nhiệm vụ pháp chế tại các Sở, ban, ngành thành phố giúp Thủ trưởng đơn vị theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các phòng chuyên môn thực hiện việc thống kê, cập nhật thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp theo lĩnh vực quản lý trên địa bàn thành phố.

Điều 6. Trình công bố thủ tục hành chính theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành

1. Chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành, các Sở, ban, ngành thành phố gửi 01 bộ hồ sơ (gồm bản giấy và bản điện tử) kèm theo tài liệu có liên quan đến Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định công bố, gồm:-----

a) Văn bản đề nghị kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính;

b) Dự thảo tờ trình đề nghị ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính;

c) Dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính kèm theo thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (theo mẫu quyết định công bố tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp).

2. Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng hồ sơ trình công bố thủ tục hành chính và gửi văn bản góp ý kiến trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, gồm:

a) Kiểm soát về số lượng thủ tục hành chính theo phạm vi quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP.

b) Kiểm soát tính đầy đủ và chính xác của nội dung thủ tục hành chính.

c) Kiểm soát tài liệu kèm theo.

Trường hợp hồ sơ trình công bố thủ tục hành chính chưa đầy đủ, chưa chính xác, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Sở, ban, ngành trình công bố bổ sung, chỉnh lý theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở, ban, ngành dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo quyết định trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý kiến của Sở Tư pháp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký ban hành.

4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thành phố chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các nội dung thông tin thủ tục hành chính và hồ sơ trình công bố thủ tục hành chính của đơn vị mình; ký tắt vào tất cả các trang phụ lục kèm theo dự thảo quyết định công bố.

5. Trưởng Phòng pháp chế, Trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ pháp chế tại các Sở, ban, ngành thành phố giúp Thủ trưởng đơn vị chuẩn bị hồ sơ trình công bố thủ tục hành chính.

Điều 7. Trình công bố thủ tục hành chính theo quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

Trường hợp thủ tục hành chính trong quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định công bố, các Sở, ban, ngành thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định công bố dưới hình thức "Bản sao y bản chính".

2. Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp.

3. Tổ chức việc công khai thủ tục hành chính đã được công bố.

Chương III

CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 8. Yêu cầu của việc công khai thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính sau khi được công bố phải được công khai rõ ràng, đầy đủ, chính xác, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy định.

2. Việc công khai thủ tục hành chính phải được thực hiện kịp thời, thống nhất.

3. Các thủ tục hành chính có mẫu đơn, tờ khai kèm theo thì mẫu đơn, tờ khai phải được công khai đầy đủ kèm theo thủ tục hành chính đó.

Điều 9. Tổ chức công khai thủ tục hành chính

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thành phố tổ chức việc công khai các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn tổ chức việc công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố.

3. Việc tổ chức công khai nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Điều 10. Hình thức công khai

1. Công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định công bố thủ tục hành chính, Sở Tư pháp tổ chức nhập và gửi dữ liệu, hồ sơ đề nghị công khai về các thủ tục hành chính và văn bản quy định về thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu này.

2. Niêm yết công khai trên bảng: theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

3. Công khai thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của thành phố và Cổng thông tin, điện tử của cơ quan, đơn vị.

4. Khuyến khích thực hiện các hình thức công khai thủ tục hành chính đã được công bố: đóng sổ, lắp đặt bảng điện tử hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận “một cửa” của cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các Sở, ban, ngành thành phố có trách nhiệm báo cáo việc công bố, công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết với Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tư pháp) 6 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trường Phòng Pháp chế, Trường đơn vị được giao nhiệm vụ pháp chế tại các Sở, ban, ngành thành phố giúp Thủ trưởng đơn vị thực hiện các việc công bố, công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm báo cáo việc công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trên địa bàn với Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tư pháp) 6 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

Trường Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo việc công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo việc công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết với Ủy ban nhân dân quận, huyện (thông qua Phòng Tư pháp) 6 tháng và hàng năm hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường, xã, thị trấn giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp báo cáo việc công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp việc công bố, công khai và tình hình thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố, báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP); Chương II Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc công bố, công khai và thực hiện thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong việc công khai thủ tục hành chính và kết quả thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trên địa bàn.

4. Sở Nội vụ sử dụng kết quả việc thực hiện quy định về công bố, công khai thủ tục hành chính theo Quy chế này là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

5. Sở Tài chính bố trí kinh phí cho việc công bố, công khai thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã thị trấn trên địa bàn thành phố theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào việc thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố.

7. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn thực hiện công khai thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trên Cổng thông tin điện tử của thành phố và Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH



Đương Anh Điền